

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN LIÊN CHIỀU  
TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
Bản án số: **71/2024/HNGĐ-ST**  
Ngày 12 - 9 - 2024  
V/v “Ly hôn, tranh chấp  
về con chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU – TP ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Thái

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Bình

Ông Nguyễn Công Chi

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền - Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa:*** bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Liên Chiểu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 293/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/7/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 26/8/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

- Bị đơn: Ông **Đặng Phước H1**, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Phạm Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng Phước H1 kết hôn năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A1, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê trọ ở nhiều nơi và đến năm 2011 chuyển về sinh sống tại tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng cho đến nay. Quá trình chung sống, do ông H1 đi làm ăn xa nhà dẫn đến vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau và tình cảm dần lạnh nhạt. Từ năm 2022 khi vợ chồng sống gần nhau thì

ông H1 không quan tâm đến gia đình, thường những lúc nhậu say là chửi bới, đánh đập bà H. Bà Phạm Thị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Phước H1.

Về con chung: Bà Phạm Thị H xác định vợ chồng có 02 con chung là Đặng Hoàng Uyên P, sinh ngày 21/7/2009 và Đặng Hoàng Minh A, sinh ngày 14/01/2014. Ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đồng. Tại phiên tòa bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con và trường hợp chỉ được giao trực tiếp nuôi dưỡng một con chung thì bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đặng Hoàng Minh A.

Về tài sản chung: Bà Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà Phạm Thị H xác định bà và ông Đặng Phước H1 không có nợ chung.

*\* Bị đơn là ông Đặng Phước H1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Phước H1 thống nhất như lời trình bày của bà Phạm Thị H về thời gian, điều kiện kết hôn và nơi chung sống thời gian đầu của vợ chồng sau khi kết hôn. Năm 2012 bà H và cháu Uyên P chuyển vào sinh sống cùng ông H1 tại tỉnh Đồng Tháp cho đến năm 2014 thì bà H về Đà Nẵng sinh con thứ hai là cháu Minh A và ở luôn cho đến nay. Trong thời gian ông H1 đi làm ăn xa bà H đã ngoại tình; cuối năm 2021 khi ông chuyển về Đà Nẵng sinh sống cùng bà H và các con thì bà H vẫn không sửa đổi, thường đi ăn uống bỏ bê con cái, rất nhiều lần gọi điện và nói chuyện với người khác giới. Ông H1 xác định giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã, phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không đạt được mục đích nên bà Phạm Thị H yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông Đặng Phước H1 xác định ông và bà Phạm Thị H có hai con chung là Đặng Hoàng Uyên P, sinh ngày 21/7/2009 và Đặng Hoàng Minh A, sinh ngày 14/01/2014. Ly hôn, ông H1 cho rằng bà H có hành vi ngoại tình nên không đủ tư cách, phẩm chất để nuôi con, do vậy ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000đồng. Trường hợp chỉ được giao trực tiếp nuôi dưỡng một con chung thì ông H1 yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đặng Hoàng Minh A và không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông Đặng Phước H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đặng Phước H1 xác định ông và bà Phạm Thị H không có nợ chung.

*\* Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:*

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực

hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 468 Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Phạm Thị H ly hôn với ông Đặng Phước H1, giao cả hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông H1 không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung do các bên không yêu cầu giải quyết và về nợ chung các bên xác định không có nên không đề cập đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

\* **Về tố tụng:** Nguyên đơn bà Phạm Thị H khởi kiện về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi dưỡng con chung” đối với bị đơn là ông Đặng Phước H1 có địa chỉ cư trú tại tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **\* Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Đặng Phước H1 kết hôn vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A1, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Cả hai đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay bà H và ông H1 thống nhất xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích nên yêu cầu ly hôn; xét yêu cầu ly hôn của bà H và ông H1 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị H và ông Đặng Phước H1 xác định ông bà có hai con chung là Đặng Hoàng Uyên P, sinh ngày 21/7/2009 và Đặng Hoàng Minh A, sinh ngày 14/01/2014 và khi ly hôn cả hai đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn thấy rằng: Cháu Đặng Hoàng U P và Đặng Hoàng Minh A chưa thành niên nên cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng khi các bên ly hôn. Nguyện vọng được nuôi con chung của bà H và ông H1 là chính đáng nhưng việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét trên cơ sở lợi ích của con chung và các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bà

Phạm Thị H có ý kiến vì ông H1 thường xuyên đi xa không có đủ điều kiện chăm sóc và hai con đều là bé gái nên bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung; tuy nhiên tại phiên tòa các bên đều thừa nhận từ năm 2022 đến nay ông H1 đã chuyển về sinh sống cùng bà H và các con. Còn ông Đặng Phước H1 cho rằng bà H có hành vi ngoại tình nên không đủ tư cách, phẩm chất để nuôi con nhưng ông H1 không cung cấp được chứng cứ để chứng minh về điều này nên không có cơ sở xem xét. Về điều kiện kinh tế, sinh sống của các bên: cả bà H và ông H1 hiện đang có chỗ ở và thu nhập ổn định (bà H thu nhập khoảng 7.000.000đồng/tháng; ông H1 thu nhập từ 10.000.000đồng đến 12.000.000đồng/tháng). Từ những phân tích trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy: bà Phạm Thị H và ông Đặng Phước H1 đều có điều kiện nuôi con như nhau, do vậy để đảm bảo quyền lợi của các bên cũng như quyền lợi của con chung, không thể thỏa mãn yêu cầu được nuôi cả hai con như nguyện vọng của bà H và ông H1, mà cần giao cho mỗi người nuôi một con chung. Cháu Đặng Hoàng Uyên P đã đủ 15 tuổi, có thể tự chăm sóc bản thân nên giao cho ông H1 nuôi dưỡng, còn cháu Đặng Hoàng Minh A mới đủ 09 tuổi, cần có sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của người mẹ hơn nên giao cháu cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp.

Các bên không yêu cầu cấp dưỡng khi mỗi bên trực tiếp nuôi dưỡng một con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn, bị đơn đều xác định có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản phù hợp như nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận đối với các đề nghị về hôn nhân, tài sản chung, nợ chung và chấp nhận một phần đề nghị về nuôi dưỡng con chung.

[5] Về án phí: theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn là 300.000đồng

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội;

### **Tuyên xử:**

**1.** Về hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị H và ông Đặng Phước H1 ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Hoàng Uyên P, sinh ngày 21/7/2009 cho ông Đặng Phước H1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đặng Hoàng Minh A, sinh ngày 14/01/2014 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên vẫn có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung; vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0000817 ngày 12/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q. Liên Chiểu;
- UBND phường ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**DƯƠNG THỊ THÁI**